

**MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ 1- MÔN TIẾNG ANH
KHỐI 10**

PHẦN CHUNG (8Đ - 40 câu)					
A. Phần trắc nghiệm (6Đ)					
Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nâng cao	Số câu
Pronunciation		1	1		2
Stress patterns		1	1		2
Verb tenses				1	2
Verb forms		1			2
Synonyms		1	1		2
Antonyms	1	1			2
Phrasal verbs	1	1			2
Conditional	1	1			2
Speaking		1			1
Reading	Cloze reading (8)				Topic: - Community services - Gender equality
	Comprehension reading (5)				
B. Phần tự luận (2Đ)					
1.Future tenses 2.Simple past vs Present perfect					
PHẦN RIÊNG (2Đ- 10 câu)					
Lớp Chuyên Anh			Lớp còn lại		
1. Idioms 2. Collocations			1. Word forms (5) 2. Sentence transformation (5)		

**MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ 1- MÔN TIẾNG ANH
KHỐI 11**

PHẦN CHUNG (8Đ - 40 câu)					
A.Phần trắc nghiệm (6Đ)					
Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nâng cao	Số câu
Pronunciation	1		1		2
Stress patterns		1	1		2
Synonyms	1	1			2
Antonyms	1	1			2
Reported speech with Verb-ing			1		1
Reported speech with To-Infinitive				1	1
Indefinite pronouns	1	1			2
Conditional/ Reported conditional	1		1	1	2
Error recognition	1	1			2
Speaking		1			1
Reading	Cloze reading (8)				Topic: - Competitions - Population
	Comprehension reading (5)				
B. Phần tự luận (2Đ)					
1. Verb tenses / Verb forms 2. Reported speech					
PHẦN RIÊNG (2Đ- 10 câu)					
Lớp Chuyên Anh			Lớp còn lại		
1. Word forms. 2. Sentence transformation			1. Word forms (5) 2. Sentence transformation (3) 3. Make sentences/ Re-arrangement (2)		

**MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ 1- MÔN TIẾNG ANH
KHỐI 12**

PHẦN CHUNG (8Đ - 40 câu)					
Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nâng cao	Số câu
Pronunciation		1	1		2
Stress patterns		1	1		2
Verb tenses		1	1		2
Verb forms	1	1			2
Synonyms	1	1			2
Antonyms	1	1			2
Relative clause		1	1		2
Conditional		1	1		2
Passive		1	1		2
Concession		1	1		2
Reason		1	1		2
Reported speech			1	1	2
Error recognition	1	1			2
Speaking		1			1
Reading	Cloze reading (8)			Topic: - Future jobs - Education - Higher education	
	Comprehension reading (5)				
PHẦN RIÊNG (2Đ- 10 câu)					
Lớp Chuyên Anh			Lớp còn lại		
1. Word forms			1. Word forms (5)		
2. Sentence transformation			2. Sentence transformation (5)		